

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

Bản án số: 22/2019/KDTM-ST

Ngày 09/8/2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN**

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Phong- Thẩm phán

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Đức Minh

2. Bà Đặng Thị Nhác

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Lý Thị Tường Nga – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Long Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án KDTM thụ lý số 43/2014/TLST-KDTM ngày 09 tháng 12 năm 2014 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo quyết định số 33/2019/QĐXX ngày 24 tháng 6 năm 2019 và quyết định ngừng phiên tòa số 01 ngày 31 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty X

Địa chỉ: Số 26 phố Đ, quận Long Biên, TP Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đắc X- Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty X

Đại diện theo ủy quyền: bà Trần Thu H - Kế toán trưởng. (*Có mặt*)

Bị đơn: Công ty TNHH O

Địa chỉ: Khu công nghiệp S, quận Long Biên, TP Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật do Tòa án chỉ định: Ông Bùi Minh C – Phó tổng giám đốc. (*Có đơn xin vắng mặt*)

NHẬN THẤY

**Tại đơn khởi kiện ngày 20/5/2014 của Công ty X sau đây gọi tắt là công ty X và các lời khai tại TAND quận Long Biên, đại diện theo ủy quyền của công ty trình bày:*

Ngày 01/7/2006, công ty X khu vực I và Công ty O (gọi tắt là công ty O) có ký hợp đồng số 211/2006/BĐBBXD về việc mua bán xăng dầu với định mức công nợ là 1.600.000.000đ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên đã thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã cam kết.

Đến cuối tháng 9/2007, công ty O ngừng lấy hàng và còn nợ công ty X khu vực I đã gửi công văn đề nghị khách hàng chuyển trả nốt nợ nhưng đến ngày 18/4/2008 công ty O mới trả cho công ty X 40.000.000đ và còn nợ công ty X là 1.522.602.087đ (*một tỷ năm trăm hai mươi hai triệu sáu trăm linh hai nghìn không trăm tám mươi bảy đồng*) có biên bản đối chiếu công nợ cuối cùng ngày 30/4/2009.

Công ty X đã nhiều lần làm việc với công ty O đề nghị bên mua thanh toán công nợ nhưng bên mua khất nợ. Tại buổi làm việc cuối cùng với công ty O, bên mua đã thông báo về việc công ty đang nộp đơn xin phá sản lên Tòa án kinh tế - TAND TP Hà Nội và đã được thụ lý. Ngày 23/4/2009, công ty X nhận được thông báo của TAND TP Hà Nội về việc TAND TP Hà Nội đã ra quyết định mở thủ tục phá sản số 118/2009/QĐ- MTTPS ngày 20/4/2009

.đối với công ty O. Ngày 7/5/2009 công ty X đã gửi công văn tới Tòa án đề nghị Tòa án xác nhận đưa vào danh sách chủ nợ của công ty khi Tòa án xét xử. Ngày 20/02/2014 TAND TP Hà Nội đã ra quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản. Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình, công ty X đề nghị Tòa án buộc công ty H thanh toán trả cho công ty X số tiền nợ gốc là 1.522.602.087 đ (*một tỷ năm trăm hai mươi hai triệu sáu trăm linh hai nghìn không trăm tám mươi bảy đồng*), không yêu cầu trả số tiền nợ lãi.

* Công ty O do ông B – Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật, hiện ông B không có mặt tại Việt Nam và có văn bản ủy quyền cho chi nhánh của công ty Luật TNHH JP, ông Lê Ngọc T, ông O, bà Đỗ Thị Phương C, bà Nguyễn Thu Th là luật sư của công ty ngày 19/01/2017. Tuy nhiên chi nhánh của công ty Luật TNHH JP tại Hà Nội có văn bản thể hiện quan điểm công ty chỉ thực hiện công việc đại diện cho bên ủy quyền là Công ty O trong quan hệ với thành viên còn lại là công ty TNHH MTV H hoặc bên thứ ba liên quan đến thủ tục phá sản của công ty O cũng như các vấn đề khác (vấn đề nội bộ) của công ty O. Hiện ủy quyền đã chấm dứt và hết hiệu lực. JP Law không phải là đại diện theo ủy quyền của công ty O – Bị đơn trong vụ án KDTM về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với công ty X. Việc giải quyết tranh chấp không liên quan đến JP Law.

Công ty TNHH MV H (gọi tắt là công ty H) có văn bản ủy quyền cho ông Bùi Minh Ch có văn bản thể hiện: Ngày 09/01/2009, công ty O đã nộp đơn xin mở thủ tục phá sản đến Tòa kinh tế - TAND TP Hà Nội, ngày 20/4/2009, Tòa án đã có quyết định mở thủ tục phá sản đối với công ty O. Tháng 6/2010 ông B tổng giám đốc (đại diện theo pháp luật công ty) và kế toán trưởng là người Hàn Quốc tự bỏ về nước mà không ủy quyền hoặc bàn giao bất cứ công việc gì cho đại diện phía Việt Nam. Tháng 2/2014, TAND TP Hà Nội đã có quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản của công ty O. Trước tình hình đó, H đã đề nghị và được UBND TP Hà Nội đồng ý giao cho công ty H tạm thời quản lý công ty O theo văn bản số 3715 ngày 27/5/2014 của UBND TP Hà Nội. Từ tháng 2/2014 công ty H đã thực hiện việc quản lý công ty O theo đúng như cách thức quản lý của Tòa án là duy trì bộ máy và bảo vệ tài sản của công ty. Việc này chỉ có ý nghĩa công ty H là đối tác trong liên doanh và là chủ đầu tư phía Việt Nam, không có nghĩa là công ty H chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề của công ty O.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, ông Bùi Minh Ch- Phó tổng giám đốc, đại diện theo pháp luật do Tòa án chỉ định của công ty O trình bày:

Do đại diện theo pháp luật của Công ty O) bỏ về Hàn Quốc nên công ty không làm được thủ tục tuyên bố phá sản. Ngày 19/01/2017, đại diện theo pháp luật của công ty có làm văn bản ủy quyền cho ông Lê Ngọc T, ông O; bà Đỗ Thị Phương C; bà Nguyễn Thu Th thuộc công ty Luật TNHH JP tại Hà Nội là đại diện theo ủy quyền. Tuy nhiên những ông bà có tên trên và công ty Luật JP cũng không thực hiện công việc được ủy quyền (chỉ tham gia họp 01 lần) và các cá nhân được ủy quyền đã về Hàn Quốc nhưng không làm văn bản từ chối ủy quyền dẫn đến việc hoạt động rất khó khăn. Ngày 29/8/2017 UBND thành phố Hà Nội đã có công văn số 4224/UBND-KT về việc đề nghị của Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng và công trình kiến trúc Hà Nội và vướng mắc trong việc thực hiện phá sản công ty TNHH đèn hình Orien H theo đó đã dừng việc giao công ty TNHH đèn hình Orien H cho công ty TNHH MTV H tạm thời quản lý.

Do phía các ngân hàng là chủ nợ của công ty đã bán nợ cho công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng và công trình kiến trúc Hà Nội gọi tắt là công ty Hateco nên ngày 25.9.2017, công ty Hateco đã thực hiện theo Nghị quyết 42 tự thu giữ toàn bộ tài sản còn lại của TNHH đèn hình O và tự quản lý, sử dụng cho đến nay. Hiện nay Công ty O không còn tài sản nào khác, không còn trụ sở hoạt động và nhân viên. Ông Chí không phải là đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền của Công ty O, ông Chí chỉ quản lý con dấu của công ty và thực hiện các giao dịch liên hệ thủ tục hành chính.

Hiện nay Công ty O chưa làm được thủ tục tuyên bố phá sản. Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty X, ông Chí cho biết có việc TNHH đèn hình O mua xăng dầu để phục vụ sản xuất, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo biên bản xác nhận công nợ ngày 30/4/2009 giữa các bên, ông Chí không xác nhận công nợ đến thời điểm hiện nay vì không phải là đại diện theo pháp luật.

* Đối với công ty Điện tử H (sau này là công ty TNHH MTV H và công ty cổ phần H) là thành viên góp vốn vào Công ty O đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, yêu cầu cử người tham gia tố tụng tại Tòa án theo quy định pháp luật. Ngày 27/7/2019, công ty cổ phần H đã có văn bản số 226 ngày 22/7/2019 gửi TAND quận Long Biên với nội dung: Công ty Điện tử H (sau này là công ty TNHH MTV H và công ty cổ phần H) không phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản nằm ngoài phạm vi số vốn đã góp đủ vào Công ty O theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Luật doanh nghiệp 2014. Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại thời điểm ngày 30/6/2008 của Công ty O xác nhận công ty Điện tử Hà Nội đã góp đủ số vốn cam kết theo giấy phép đầu tư số 495 do Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư cấp ngày 06/01/1993 và giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh (lần gần nhất) số 495/GCNDĐC do Bộ kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 09/10/2006. Do đó công ty Điện tử Hà Nội (sau này là công ty TNHH MTV H và công ty cổ phần H) không phải chịu trách nhiệm về các khoản vay nợ, nghĩa vụ tài sản khác của Công ty O nằm ngoài phạm vi số vốn cam kết góp và đã góp đủ của công ty Điện tử Hà Nội theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Về việc Tòa án triệu tập người đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần H, công ty khẳng định không có quyền và nghĩa vụ liên quan đến nội dung tranh chấp giữa các bên trong vụ án mà Tòa án quận Long Biên đang thụ lý, giải quyết nên không cử người tham gia tố tụng theo triệu tập của Tòa án. Ngoài ra, công ty không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu ý kiến: Tòa án thụ lý vụ án theo đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Thẩm phán đã xác định đúng và đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thu thập tài liệu chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 97, Điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 211 BLTTDS và Nghị quyết 01/2017 ngày 13.01.2017 của HĐTP TAND TC. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Theo công văn số 465/BQL-ĐT ngày 22/4/2015 của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất cung cấp tài liệu liên quan đến tư cách pháp nhân của Công ty O thể hiện, Công ty O đã ngừng hoạt động từ năm 2008 và đã nộp đơn xin mở thủ tục phá sản lên Tòa kinh tế- TAND TP Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật là ông B tổng giám đốc công ty. Theo công văn số 8181/A72-P4 ngày 24/7/2015 của Cục quản lý xuất nhập cảnh cung cấp thông tin ông B đã xuất cảnh ngày 30/6/2010 đến nay chưa có thông tin nhập cảnh. Căn cứ điều lệ liên doanh của Công ty O thể hiện công ty có 01 tổng giám đốc và 01 Phó tổng giám đốc được chỉ định luân phiên. Trong điều lệ cũng quy định trong trường hợp Tổng giám đốc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Phó tổng giám đốc sẽ thực hiện chức năng của tổng giám đốc. Do đó Tòa án đã căn cứ khoản 7 Điều 13 Luật doanh nghiệp 2014; điểm c khoản 1 Điều 137 Bộ luật Dân sự 2015 để chỉ định ông Nguyễn Minh Chí là đại diện theo pháp luật của Công ty O tham gia tố tụng trong vụ án trên là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Công ty X khu vực I trình bày công ty có ký hợp đồng số 211/2006/BĐBBXD về việc mua bán xăng dầu với Công ty O, trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên đã thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã cam kết. Đến cuối tháng 9/2007 Công ty O ngừng lấy hàng và còn nợ công ty X khu vực I là TNHH đền hình O là 1.522.602.087đ (*một tỷ năm trăm hai mươi hai triệu sáu trăm linh hai nghìn không trăm tám mươi bảy đồng*). Theo các tài liệu trong hồ sơ thể hiện tính đến thời điểm ngày 31/10/2009, Công ty O còn nợ công ty X khu vực I số tiền là 1.522.602.087đ (*một tỷ năm trăm hai mươi hai triệu sáu trăm linh hai nghìn không trăm tám mươi bảy đồng*). Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty X khu vực I buộc Công ty O phải thanh toán cho công ty X khu vực I số tiền còn nợ là 1.522.602.087đ (*một tỷ năm trăm hai mươi hai triệu sáu trăm linh hai nghìn không trăm tám mươi bảy đồng*).

Căn cứ Điều 24; Điều 50; khoản 1 Điều 292; Điều 306; Điều 319 Luật Thương mại năm 2005; khoản 3 Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty X khu vực I, buộc Công ty O phải thanh toán cho công ty X khu vực I số tiền còn nợ là 1.522.602.087đ (*một tỷ năm trăm hai mươi hai triệu sáu trăm linh hai nghìn không trăm tám mươi bảy đồng*).

2. Công ty O có nghĩa vụ nộp 57.678.062đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

XĐt thÊy

Sau khi nghi^n cõu c,c tui liÖu cũ trong hã s-võ ,n ®-íc thÊm tra t'i phi^n toµ, húi ®ãng xĐt xõ nhÊn ®Đnh:

1. Về thẩm quyền:

Ngày 09/01/2009, công ty O đã nộp đơn xin mở thủ tục phá sản đến Tòa kinh tế - TAND TP Hà Nội, ngày 20/4/2009, Tòa án đã có quyết định mở thủ tục phá sản đối với công ty O. Ngày 20/02/2014 TAND TP Hà Nội đã có quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản của công ty O.

Ngày 20/5/2014 Công ty X có trụ sở tại phố Đ, quận Long Biên khởi kiện Công ty O có trụ sở tại khu công nghiệp Sài Đồng B, quận Long Biên, TP Hà Nội. Theo khoản 7.4 Điều 7 hợp đồng mua bán xăng dầu số 211/2006/HĐBBXD ngày 01/7/2006, hai bên thỏa thuận trong trường hợp có tranh chấp không thể giải quyết được thì một trong hai bên sẽ khởi kiện tại Tòa án nơi bên A đặt trụ sở.

Theo điều lệ Liên doanh, Công ty O được thành lập và chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước CHXHCN Việt Nam nên Tòa án nhân dân quận Long Biên đã thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 29; Điều 33 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 (nay là Điều 30; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015).

2. Về tố tụng:

[2.1]. Công ty X khởi kiện Công ty O, HĐXX xác định bị đơn là Công ty O là công ty liên doanh được thành lập theo giấy phép đầu tư số 495/GP ngày 06/01/1993 của Ủy ban Nhà nước về hợp tác đầu tư gồm: Bên Việt Nam: Công ty điện tử Hà Nội (H) 30% vốn ; Bên nước ngoài: ORION ELECTRIC CO., LTD (Cộng hòa Triều Tiên) 70 % vốn. Công ty điện tử Hà Nội sau đổi tên là công ty TNHH MTV H, công ty cổ phần H.

[2.2]. Công ty O có người đại diện theo pháp luật là ông B tổng giám đốc công ty. Theo công văn số 8181/A72-P4 ngày 24/7/2015 của Cục quản lý xuất nhập cảnh cung cấp thông tin ông B đã xuất cảnh ngày 30/6/2010 đến nay chưa có thông tin nhập cảnh. Căn cứ điều lệ liên doanh của Công ty O thể hiện công ty có 01 tổng giám đốc và 01 Phó tổng giám đốc được chỉ định luân phiên. Trong điều lệ cũng quy định trong trường hợp Tổng giám đốc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Phó tổng giám đốc sẽ thực hiện chức năng của tổng giám đốc. Do đó Tòa án đã căn cứ khoản 7 Điều 13 Luật doanh nghiệp 2014; điểm c khoản 1 Điều 137 Bộ luật Dân sự 2015 để chỉ định ông Nguyễn Minh Chí là đại diện theo pháp luật của Công ty O tham gia tố tụng trong vụ án trên là phù hợp quy định pháp luật.

3. Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty X.

[3.1]. Ngày 01/7/2006, công ty X khu vực I và Công ty O (gọi tắt là công ty O) có ký hợp đồng số 211/2006/BĐBBXD về việc mua bán xăng dầu với định mức công nợ là 1.600.000.000đ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên đã thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã cam kết.

Đến cuối tháng 9/2007, công ty O ngừng lấy hàng và còn nợ công ty X khu vực I đã gửi công văn đề nghị khách hàng chuyển trả nốt nợ nhưng đến ngày 18/4/2008 công ty O mới trả cho công ty X 40.000.000đ và còn nợ công ty X là 1.522.602.087đ (*một tỷ năm trăm hai mươi hai triệu sáu trăm linh hai nghìn không trăm tám mươi bảy*

đồng). Hai bên đã có nhiều văn bản làm việc thể hiện công ty X nhiều lần đôn đốc công ty O trả nợ nhưng phía bị đơn trình bày đang khó khăn về tài chính nên chưa thể thanh toán theo cam kết. Giữa hai bên đã nhiều lần lập biên bản xác nhận công nợ và biên bản cuối cùng ngày 30/4/2009 thể hiện hai bên thống nhất và xác nhận công nợ của công ty O đến hết ngày 30/4/2009 là: 1.522.602.087đ (*một tỷ năm trăm hai mươi hai triệu sáu trăm linh hai nghìn không trăm tám mươi bảy đồng*). Hai bên không xác nhận số tiền nợ lãi.

Trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán trả toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi theo quy định của pháp luật. Trong phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc, không yêu cầu trả tiền nợ lãi. Sự tự nguyện của nguyên đơn không trái pháp luật nên được ghi nhận.

[3.2]. Quá trình giải quyết tại Tòa án, ông Bùi Minh Ch trình bày có việc Công ty O ký hợp đồng với công ty X khu vực I mua xăng dầu để phục vụ sản xuất, ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo biên bản xác nhận công nợ ngày 30/4/2009 giữa các bên, ông không xác nhận công nợ đến thời điểm hiện nay vì không phải là đại diện theo pháp luật.

[3.3]. Đối với công ty Điện tử H (sau này là công ty TNHH MTV H và công ty cổ phần H) là thành viên góp vốn vào Công ty O, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập công ty TNHH MTV H nay là công ty cổ phần H với tư cách là thành viên góp vốn của công ty liên doanh Orion H nhưng công ty H không tham gia tố tụng, chỉ thể hiện quan điểm với tư cách là đơn vị được UBND thành phố Hà Nội tạm giao quản lý, không chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề của công ty O. Ngày 29/8/2017, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành công văn số 4224/UBND-KT về việc đề nghị của công ty cổ phần đầu tư hạ tầng và công trình kiến trúc Hà Nội và vướng mắc trong việc thực hiện phá sản công ty TNHH Đèn hình O – H theo đó đã dừng việc giao công ty TNHH MTV H tạm thời quản lý công ty TNHH Đèn hình O – H.

Công ty Điện tử H (sau này là công ty TNHH MTV H và công ty cổ phần H) không phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản nằm ngoài phạm vi số vốn đã góp đủ vào Công ty O theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Luật doanh nghiệp 2014.

[3.4]. Đối với chi nhánh công ty Luật TNHH JP tại Hà Nội và các cá nhân là thành viên của JP Law group là đại diện theo ủy quyền của Orion Electric Co., Ltd (hàn Quốc) theo giấy ủy quyền số đăng ký 2017-2136 và 2017-2138 ngày 19/01/2017 tại Hàn Quốc, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Ngày 24/6/2019, chi nhánh công ty Luật TNHH JP tại Hà Nội đã có công văn gửi TAND quận Long Biên với nội dung công ty chỉ thực hiện công việc đại diện cho bên ủy quyền là Công ty O trong quan hệ với thành viên còn lại là công ty TNHH MTV H hoặc bên thứ ba liên quan đến thủ tục phá sản của công ty O cũng như các vấn đề khác (vấn đề nội bộ) của công ty O. Hiện ủy quyền đã chấm dứt và hết hiệu lực. JP Law không phải là đại diện theo ủy quyền của công ty O – Bị đơn trong vụ án KDTM về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với công ty X. Việc giải quyết tranh chấp không liên quan đến JP Law.

[3.5]. Đến thời điểm xét xử, Công ty O vẫn chưa làm thủ tục tuyên bố phá sản, không thay đổi trụ sở hoạt động và đại diện theo pháp luật nên Tòa án vẫn tiến hành tổng

đạt các văn bản tố tụng cho người đại diện theo chỉ định của Tòa án là ông Bùi Minh Ch- Phó tổng giám đốc của công ty TNHH đèn hình O theo quy định pháp luật.

[3.6].Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thể hiện tính đến thời điểm ngày 30/4/2009, Công ty O còn nợ công ty X khu vực I số tiền là 1.522.602.087đ (*một tỷ năm trăm hai mươi hai triệu sáu trăm linh hai nghìn không trăm tám mươi bảy đồng*). Từ những nhận định trên, đủ cơ sở để xác định yêu cầu khởi kiện của Công ty X là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[3.7].Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty X chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc, không yêu cầu tiền nợ lãi.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 24; Điều 50; khoản 1 Điều 292; Điều 306; Điều 319 Luật Thương mại năm 2005

- Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa: Công ty X và Công ty O.

2.Buộc Công ty O phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty X số tiền nợ gốc là: 1.522.602.087đ (*một tỷ năm trăm hai mươi hai triệu sáu trăm linh hai nghìn không trăm tám mươi bảy đồng*).

Công ty O tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3.Về án phí:

Công ty O phải chịu 57.678.000 đ (*Năm mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty X số tiền 39.639.000đ (*Ba mươi chín triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng*) Công ty X đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0008650 ngày 27.11.2014 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Các đương sự;
- Lưu VP

TM. hội đồng xét xử

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Tô Thanh Phong

